

Bản án số: 156/2026/HS-ST
Ngày 19-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nga.

Bà Trương Thị Kim Chơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2026/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 536/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 2003 tại Tiền Giang; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: 3 Khu phố H, Phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là 3 Khu phố H, phường P, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim A; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Trần Tú U, sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; nơi đăng ký thường trú: A Đ, Khu phố A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là : A Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng B và bà Trần Thị Kim L; bị cáo chưa có chồng con; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 19/3/2011, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 64/2012/HSST, Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 19/9/2012 tại Trại giam A2, đã nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm vào ngày 14/9/2012;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Lâm Thanh T, sinh năm 2000 tại Sóc Trăng; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là : ấp H, phường K, thành phố Cần Thơ); chỗ ở: E Ấp E, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là E8/44A Ấp E, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; con ông Lâm H1 và bà Quan Thị N1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Những người tham gia tố tụng khác:*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Ngọc T1, sinh năm 1986 – *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: A5/28 Ấp A, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lương Thành N2, sinh năm 1987 – *(có mặt)*.

Nơi cư trú: 341 Ấp G, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Sơn T2, sinh năm 1988 – *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Nhà trọ không số, Ấp D, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Ngô Ngọc T3, sinh năm 1985 – *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Nhà trọ không số, Ấp D, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Bùi Quốc D, sinh năm 1994 – *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Nhà trọ không số, Ấp D, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 17/12/2024, Công an xã V phối hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện B tiến hành kiểm tra phòng 204 khách sạn T5, địa chỉ: C, Ấp B, xã V, huyện B có mặt Nguyễn Văn N, Trần Tú U và Lâm Thanh T. Qua kiểm tra, đã phát hiện và thu giữ:

- 01 hộp kim loại bên trong có: 01 hộp nhựa chứa 06 gói nylon chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,0380 gam, loại Methamphetamine;

- 01 hộp nhựa chứa 09 gói nylon chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,2435 gam, loại Methamphetamine;

- 01 túi nylon bên trong có: 01 hộp giấy chứa 12 gói nylon chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,3017 gam, loại Methamphetamine;

- 01 hộp giấy chứa 03 gói nylon chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,4493 gam, loại Methamphetamine;

- 01 ống thủy tinh chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0260 gam, loại Methamphetamine.

U, N khai nhận tất cả là ma túy đá (Methamphetamine) cả hai hùn tiền mua của N3 (không rõ nhân thân lai lịch) cất giữ để bán lại cho người khác kiếm lời. Do đó, lực lượng Công an tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ, niêm phong vật chứng và đưa tất cả những người liên quan về trụ sở Công an xã V để làm việc, lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra, xử lý.

Tất cả số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn N và Trần Tú U đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 347/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng K Công an Thành phố H.

Quá trình điều tra, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Nguyễn Văn N và Trần Tú U sống chung như vợ chồng tại địa chỉ: nhà không số Á, xã V, huyện B từ đầu năm 2024 đến nay. Cả hai bắt đầu hoạt động mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 09/2024 đến khi bị phát hiện. Nguồn gốc ma túy do N và U cùng hùn tiền mua của người phụ nữ tên N3 (không rõ lai lịch). N và U đã mua ma túy của N3 được khoảng 04 lần, mỗi lần mua từ 1.000.000 đồng đến 1.200.000 đồng nhưng không trực tiếp gặp N3 mà N3 sẽ cho người đến giao ma túy tại phòng trọ của N và U, N, U trả tiền mua ma túy bằng tiền mặt. Sau khi mua được ma túy, N và U sẽ phân ra thành từng gói nhỏ bán cho khách.

Lâm Thanh T là bạn bè quen biết ngoài xã hội của N và U nên khi có khách hỏi mua ma túy thì T sẽ giới thiệu đến phòng trọ của N và U để mua ma túy, T được hưởng lợi bằng việc sẽ được N và U cho sử dụng ma túy miễn phí. Việc T giới thiệu người khác đến mua ma túy của N, U là do T tự ý thực hiện chứ N, U không có nhờ T dẫn mối dùm. N, U đã bán ma túy cho nhiều người, trong đó có Sơn T2, Ngô Ngọc T4 và Bùi Quốc D đều sống cùng dãy phòng trọ của N và U thuê tại địa chỉ: nhà không số, Ấp D, xã V, huyện B, cụ thể:

- Vào cuối tháng 11/2024, Ngô Ngọc T4 đi qua phòng trọ của U mua 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng) với giá 200.000 đồng. Đến ngày 07/12/2024, T4 tiếp tục đi qua phòng trọ mua của N 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng) với giá 200.000 đồng. Cả 02 lần mua ma túy T4 đều trả bằng tiền mặt cho U và N và ma túy đã sử dụng hết.

- Sơn T2 đã mua ma túy của N và U 07 lần, trong đó: N bán cho T2 03 lần; U bán cho T2 04 lần. Lần gần nhất vào ngày 15/12/2024, T2 đi qua phòng trọ mua của U 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng) với giá 300.000 đồng và trả bằng tiền mặt, ma túy được T2 sử dụng hết.

- Vào ngày 16/12/2024, Bùi Quốc D đến phòng trọ mua của U 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng) với giá 190.000 đồng và trả tiền mặt, ma túy được D sử dụng hết.

- Ngoài ra, vào ngày 30/11/2024, T có dẫn một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đến phòng trọ của N và U để mua ma túy. Sau đó, U bán cho người này 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng) với giá 200.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/12/2024, do phòng trọ bị cúp điện nên N và U đến thuê phòng 204 khách sạn T5 để ở, đồng thời đem theo một bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Khi đến khách sạn, N và U bàn bạc cùng hùn tiền mua ma túy sử dụng nên gọi cho N3 (lúc này đang ở phòng 202 khách sạn T5) để hỏi mua ma túy, N3 đồng ý và nói sẽ cho người mang ma túy qua bán cho N và U. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, L1 (không rõ nhân thân lai lịch) từ phòng 202 đem theo 01 hộp kim loại chứa ma túy Methamphetamine đi qua phòng 204 bán cho U và N với giá 1.100.000 đồng, nghĩa trả bằng tiền mặt. Sau đó, U lấy một ít ma túy vừa mua được đổ vào nỏ thủy tinh rồi dùng bật lửa đốt nóng lên hút trước, xong U đưa cho N sử dụng, cả hai còn mời L1 sử dụng ma túy chung miễn phí.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/12/2024, T gọi cho N xin qua phòng 204 khách sạn T5 chơi. Khi T đến phòng, L1 lấy bộ dụng cụ sử dụng có chứa ma túy còn dư vào ngày 16/12/2024 đốt nóng lên để hút rồi đưa lại cho U, N và T lần lượt chuyền tay nhau sử dụng. Mỗi người sử dụng được một hơi thì hết ma túy nên N lấy thêm ma túy đưa cho U đổ vào nỏ thủy tinh để cả nhóm tiếp tục sử dụng. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, L1 đưa một túi nylon màu trắng chứa ma túy cho U và N nhờ bán giúp rồi L1 đi về. Đến khoảng 13 giờ 00 phút thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện N, U và T đang sử dụng ma túy như nội dung nêu trên, thu giữ tổng khối lượng 10,0325 gam Methamphetamine của N và U cất giữ để bán; và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong còn 0,0260 gam ma túy chưa sử dụng hết. Các bị cáo không xác định được số tiền thu lợi từ việc bán ma túy tính đến ngày bị bắt là bao nhiêu tiền.

Lời khai của Nguyễn Văn N, Trần Tú U và Lâm Thanh T phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Nguyễn Văn N, Trần Tú U và Lâm Thanh T đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

* Thu giữ của Trần Tú U:

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Nguyễn Văn N (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 01: 06 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,0380 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,8106 gam).

+ Gói 02: 09 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,2435 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,9632 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 03: 12 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 2,3017 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 2,1507 gam).

+ Gói 04: 03 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 5,4493 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 5,1067 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có: 01 ống thủy tinh chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 0,0260, loại Methamphetamine (đã sử dụng hết mẫu để giám định).

- 20 gói nylon rỗng; 01 túi nylon màu trắng; 01 cân tiểu ly; 01 cái kéo; 01 hộp giấy màu đen; 01 hộp giấy màu trắng; 02 hộp nhựa; 01 hộp kim loại bên ngoài màu đen chữ màu trắng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12 Pro, số seri: 33970894500035 dùng để liên lạc mua bán ma túy.

- 01 điện thoại di động hiệu S J7 Pro, số seri: R58JC3HW56F, kèm theo 02 sim số 0346566113 và 0375469321 dùng để liên lạc mua bán ma túy.

- 01 máy tính bảng hiệu XT30, số I: 350828918128208 không sử dụng vào việc phạm tội.

* Thu giữ của Nguyễn Văn N:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím, số Imei 1: 867671055323117, số Imei 2: 867671055323109, kèm theo sim số 0338396834 và 0778796503 dùng để liên lạc mua bán ma túy.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Winner màu trắng xanh, biển số: 71B4-469.19. N khai nhận xe mô tô trên mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại quận B với giá 13.000.000 đồng. Qua xác minh, xe mô tô trên do ông Lương Thành N2 đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2020, ông N2 mua xe mô tô biển số 71B4-469.19 và làm thủ tục sang tên đổi chủ. Vào ngày 17/4/2024, Huỳnh Hoàng A1 (không rõ lai lịch) là bạn bè ngoài xã hội của ông N2 mượn xe mô tô trên nhưng không trả lại cho đến nay. Ông N2 yêu cầu trả chiếc xe trên lại cho ông N2.

* Thu giữ của Lâm Thanh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ, số Imei 1: 869347032251576, số Imei 2: 8869347032251568 dùng để hẹn gặp U và N sử dụng ma túy.

Tại Cáo trạng số: 315/CT-VKS-HS ngày 04/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Tú U về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 và điểm a, b

khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lâm Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 02 tội từ 18 năm đến 20 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo N 20.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Trần Tú U từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 02 tội từ 18 năm đến 20 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo U 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Lâm Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo T 5.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

* Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Nguyễn Văn N (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 01: 06 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,0380 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,8106 gam).

+ Gói 02: 09 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,2435 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,9632 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 03: 12 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 2,3017 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 2,1507 gam).

+ Gói 04: 03 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 5,4493 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 5,1067 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có: 01 ống thủy tinh chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 0,0260, loại Methamphetamine (đã sử dụng hết mẫu để giám định).

- 20 gói nylon rỗng; 01 túi nylon màu trắng; 01 cân tiểu ly; 01 cái kéo; 01 hộp giấy màu đen; 01 hộp giấy màu trắng; 02 hộp nhựa; 01 hộp kim loại bên ngoài màu đen chữ màu trắng.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy

* Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12 Pro, số seri: 33970894500035 và 01 điện thoại di động hiệu S J7 Pro, số seri: R58JC3HW56F, kèm theo 02 sim số 0346566113 và 0375469321.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím, số Imei 1: 867671055323117, số Imei 2: 867671055323109, kèm theo sim số 0338396834 và 0778796503.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ, số Imei 1: 869347032251576, số Imei 2: 8869347032251568

* Trả lại cho bị cáo Trần Tú U: 01 máy tính bảng hiệu XT30, số I: 350828918128208.

* Trả lại cho ông Lương Thành N2: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner màu trắng xanh, biển số: 71B4-469.19.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Thành N2 yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Winner màu trắng xanh, biển số: 71B4-469.19.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 16/12/2024, các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Tú U đã thực hiện hành vi cung cấp địa điểm, ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy để cùng sử dụng với chung L1 (không rõ lai lịch) tại phòng 204 khách sạn T5 3 địa chỉ: C Ấp B, xã V, huyện B. Đến ngày 17/12/2024, với cách thức tương tự, N và U tiếp tục cung cấp địa điểm, ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy tổ chức cho L1 và Lâm Thanh T cùng sử dụng ma túy nên N và U phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đối với số lần thực hiện như trên.

Ngoài ra, vào ngày 17/12/2024, tại phòng 204 khách sạn T5, Nguyễn Văn N, Trần Tú U đã bị bắt giữ khi đang cất giấu 10,0325 gam ma túy loại Methamphetamine để bán lại cho người khác. Trước đó, N và U đã nhiều lần bán ma túy cho đối tượng không rõ lai lịch, Sơn T2, Ngô Ngọc T4 và Bùi Quốc D vào các ngày 30/11/2024, 07/12/2024, 15/12/2024, 16/12/2024 nên N và U còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng ma túy bị tạm giữ và các lần mua bán như trên.

Bị cáo Lâm Thanh T đã thực hiện hành vi giới thiệu cho người khác đến phòng trọ của N và U tại địa chỉ: nhà không số, Ấp D, xã V, huyện B để mua ma túy 01 lần vào ngày 30/11/2024 và được N, U trả công bằng cách cho sử dụng ma túy nên T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với vai trò đồng phạm giúp sức đối với lần mua bán ma túy này.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Khi thực hiện Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

- Các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Tú U phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Lâm Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó các bị cáo N, U là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T giúp sức cho các bị cáo N, U. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng

xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; đồng thời phạt bổ sung các bị cáo N, U một khoản tiền nhất định để nộp ngân sách nhà nước. Đối với bị cáo T, không có hưởng lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Xét về nhân thân, bị cáo U có nhân thân xấu như lý lịch đã nêu. Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

* Đối với vật chứng thu giữ của Trần Tú U gồm:

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Nguyễn Văn N (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 01: 06 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,0380 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,8106 gam).

+ Gói 02: 09 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,2435 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,9632 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 03: 12 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 2,3017 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 2,1507 gam).

+ Gói 04: 03 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 5,4493 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 5,1067 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an

xã V, bên trong có: 01 ống thủy tinh chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 0,0260, loại Methamphetamine (đã sử dụng hết mẫu để giám định).

- 20 gói nylon rỗng; 01 túi nylon màu trắng; 01 cân tiểu ly; 01 cái kéo; 01 hộp giấy màu đen; 01 hộp giấy màu trắng; 02 hộp nhựa; 01 hộp kim loại bên ngoài màu đen chữ màu trắng.

Xét đây là vật cấm tàng trữ sử dụng trái phép và vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12 Pro, số seri: 33970894500035 và 01 điện thoại di động hiệu S J7 Pro, số seri: R58JC3HW56F, kèm theo 02 sim số 0346566113 và 0375469321 dùng để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 máy tính bảng hiệu XT30, số I: 350828918128208 không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo U.

* Đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn N gồm:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím, số Imei 1: 867671055323117, số Imei 2: 867671055323109, kèm theo sim số 0338396834 và 0778796503 dùng để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Winner màu trắng xanh, biển số: 71B4-469.19. N khai nhận xe mô tô trên mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại quận B với giá 13.000.000 đồng. Qua xác minh, xe mô tô trên do ông Lương Thành N2 (sinh năm 1987, ngụ tại xã G, tỉnh Vĩnh Long) đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2020, ông N2 mua xe mô tô biển số 71B4-469.19 và làm thủ tục sang tên đổi chủ. Vào ngày 17/4/2024, Huỳnh Hoàng A1 (không rõ lai lịch) là bạn bè ngoài xã hội của ông N2 mượn xe mô tô trên nhưng không trả lại cho đến nay. Ông N2 yêu cầu nhận lại chiếc xe trên nên giao trả lại cho ông N2.

* Đối với vật chứng thu giữ của Lâm Thanh T gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ, số Imei 1: 869347032251576, số Imei 2: 8869347032251568 dùng để hẹn gặp U và N sử dụng ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với Sơn T2, Ngô Ngọc T4 và Bùi Quốc D có hành vi nhiều lần mua ma túy của bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Tú U để sử dụng, tuy nhiên ma túy đã được sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự là có căn cứ. Kết quả xét nghiệm đã xác định T2, T4 và D đều dương tính với ma túy nên đã bàn giao cho Công an xã V, Thành phố Hồ Chí Minh lập Biên bản xử

phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định.

[10] Đối với đối tượng tên “Nguyệt” và “L1” đã bán ma túy cho N và U, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh truy xét, khi có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[11] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như đề nghị xử lý vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn N:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2025.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Văn N** số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Tú U:

- Xử phạt bị cáo **Trần Tú U** 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2025.

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Tú U** số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lâm Thanh T:

- Xử phạt bị cáo **Lâm Thanh T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2025.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Nguyễn Văn N (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 01: 06 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,0380 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,8106 gam).

+ Gói 02: 09 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,2435 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 0,9632 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có:

+ Gói 03: 12 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 2,3017 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 2,1507 gam).

+ Gói 04: 03 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 5,4493 gam, loại Methamphetamine (khối lượng còn lại sau giám định là 5,1067 gam).

- 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Tú U (đương sự), Đặng Xuân H2 (Điều tra viên), Phan Thị Ngọc T1 (người chứng kiến), Trung tá Trịnh Hoàng L1 (Phó Trưởng Công an xã) và hình dấu Công an xã V, bên trong có: 01 ống thủy tinh chứa ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 0,0260, loại Methamphetamine (đã sử dụng hết mẫu để giám định).

- 20 gói nylon rỗng; 01 túi nylon màu trắng; 01 cân tiểu ly; 01 cái kéo; 01 hộp giấy màu đen; 01 hộp giấy màu trắng; 02 hộp nhựa; 01 hộp kim loại bên ngoài màu đen chữ màu trắng.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy

* Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12 Pro, số seri: 33970894500035 và 01 điện thoại di động hiệu S J7 Pro, số seri: R58JC3HW56F, kèm theo 02 sim số 0346566113 và 0375469321.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím, số Imei 1: 867671055323117, số Imei 2: 867671055323109, kèm theo sim số 0338396834 và 0778796503.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ, số Imei 1: 869347032251576, số Imei 2: 8869347032251568

* Trả lại cho bị cáo Trần Tú U: 01 máy tính bảng hiệu XT30, số I: 350828918128208.

* Trả lại cho ông Lương Thành N2: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner màu trắng xanh, biển số: 71B4-469.19.

(vật chứng trên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/12/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TPHCM (2);
- Cơ quan CSĐT Công an TP. HCM (1);
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10 - TPHCM (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. HCM (1);
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam Bình Trị Đông (3);
- Bị cáo (3);
- Đương sự (5);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VT (1).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông

